

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST

Ngày 14-9-2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị P; ĐKKHKT: Tổ 6, Thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Minh T; nơi cư trú: Tổ 6, Thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Phan Thị P trình bày: Chị và anh Phạm Minh T kết hôn trên cơ sở hai bên đều tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại gia đình anh T ở Thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh

phúc đến tháng 6 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu về đánh đập, chửi bới và đuổi chị ra khỏi nhà, cuộc sống vợ chồng luôn xảy ra va chạm bất hòa căng thẳng, không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn nên nhiều lần hai bên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Bản thân chị đã tìm nhiều cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không được mà quan hệ của vợ chồng lại càng căng thẳng, nghiêm trọng hơn. Trước mâu thuẫn của vợ chồng hai bên gia đình, chính quyền địa P giúp đỡ hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã chuyển về bên ngoại sinh sống, hiện chị và anh T sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Minh T.

Về con chung: Chị và anh Phạm Minh T có 02 con chung là Phạm Phương N, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2013 và Phạm Trâm A, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015. Ly hôn tại phiên tòa chị đề nghị Tòa án giao cho chị và anh T mỗi người có trách nhiệm nuôi dưỡng một con chung, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Phạm Trâm A, còn để anh T nuôi dưỡng con chung Phạm Phương N sau ly hôn. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Phan Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Minh T vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai và biên bản hòa giải anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Minh T xác định lời trình bày của chị Phan Thị P về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của anh và chị P là đầy đủ chính xác. Nay chị P xin ly hôn anh không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết đơn P theo nguyện vọng của chị P đã trình bày trong đơn khởi kiện.

Về con chung: Anh và chị Phan Thị P có hai con chung Phạm Phương N, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2013 và Phạm Trâm A, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015. Ly hôn anh không đồng ý với quan điểm về việc nuôi con chung của chị P đưa ra anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh nuôi dưỡng sau ly hôn, anh nuôi con không yêu cầu chị P cấp dưỡng con chung cho anh.

Về tài sản chung: Anh Phạm Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vắng mặt tại một số phiên hòa giải không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 28, 70, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự: Xử cho chị Phan Thị P được ly hôn anh Phạm Minh T. Về con chung: Giao con chung Phạm Phương N, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2013 cho anh Phạm Minh T nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Trâm A, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015 cho chị P nuôi dưỡng sau ly hôn. Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Phan Thị P phải nộp án phí sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của bị đơn anh Phạm Minh T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi nhận Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất anh T đã có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Minh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Phan Thị P và anh Phạm Minh T về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm, bất hòa, cãi nhau, không có hạnh phúc và hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do anh T hay uống rượu về đánh đập chị P, không tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình, chính quyền địa phương nơi cư trú can thiệp giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T có quan điểm không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết đơn P theo nguyện vọng chị P đã trình bày tại đơn khởi kiện. Tòa án đã báo anh T đến để tiếp tục hòa giải tìm cách khắc phục mâu thuẫn cho hai bên. Tuy nhiên, anh T vắng mặt tại không có lý do, không tham gia một số phiên hòa giải để hàn gắn đoàn tụ vợ chồng. Bản thân chị P tại phiên tòa vẫn xác định chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T, hôn nhân không có hạnh phúc, chị không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ với anh T và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Minh T.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Phan Thị P và anh Phạm Minh T đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị P với anh T là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan

hệ hôn nhân. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Phan Thị P được ly hôn anh Phạm Minh T.

[3] Về con chung: Chị Phan Thị P và anh Phạm Minh T có hai con chung là Phạm Phương N, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2013 và Phạm Trâm A, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án chị P và anh T có tranh chấp về việc nuôi dưỡng các con chung, tại phiên tòa chị P đề nghị Tòa án giao cho chị và anh T mỗi người nuôi dưỡng một con chung sau ly hôn còn anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Xét hiện tại cả anh T và chị P đều có việc làm, thu nhập nên về điều kiện nuôi dưỡng các con chung là ngang nhau. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định con chung dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Như vậy, căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng con chung, quan điểm của các đương sự giao cho chị P và anh T mỗi người nuôi dưỡng một con chung sau ly hôn là phù hợp. Vì vậy, giao con chung Phạm Trâm A, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015 cho chị P nuôi dưỡng, anh T nuôi dưỡng con chung Phạm Phương N, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2013 sau ly hôn. Về cấp dưỡng không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Thời hạn nuôi mỗi con chung tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Quan điểm của anh T đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh T nuôi dưỡng sau ly hôn không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Phan Thị P và anh Phạm Minh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Phan Thị P và anh Phạm Minh T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 70, 143, 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị P được ly hôn anh Phạm Minh T.
2. Về con chung: Giao con chung Phạm Phương N, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2013 cho anh Phạm Minh T nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Trâm A, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2015 cho chị Phan Thị P trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.
3. Về cấp dưỡng: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Phan Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị P đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0015094 ngày 07 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị Phan Thị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Phan Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND Thị trấn A (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lợi Nguyễn Duy Tuân

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND phường A (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuân Nguyễn Thị Lợi

Trương Minh Huế

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã Đồng Thái,A, HP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuân

Nguyễn Thị Lợi

Trương Minh Huế

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND TT A, A, HP
(nơi đăng ký kết hôn);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

